

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất;

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đào Phú H, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã P, huyện L, tỉnh Long An; tạm trú: tổ 10, ấp X, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Kiều T, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: số 9/1 Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa; tạm trú: tổ 10, ấp X, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đào Phú H trình bày:

Về hôn nhân: anh Đào Phú H đăng ký kết hôn với chị Lê Thị Kiều T tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Long An vào ngày 14 tháng 11 năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2008). Năm 2011, anh H và chị T phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi nhau, chị T thường xuyên đi đánh bạc, không quan tâm, chăm sóc chồng con. Anh H đã khuyên ngăn chị T nhưng không có kết quả. Anh H và chị T không sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay, thỉnh thoảng chị T có về nhà thăm con. Nay anh H không thể tiếp tục chung sống với chị T nên anh H yêu cầu ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có một con chung tên là Đào Khánh D, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2009, hiện nay cháu D đang ở với anh H. Anh H có nguyện vọng nuôi cháu D và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về chia tài sản, nợ chung: anh H không yêu cầu tranh chấp.

Bị đơn chị Lê Thị Kiều T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị T đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 23 tháng 3 năm 2018, Tòa án triệu tập họp lệ chị T lần thứ nhất để tham gia phiên tòa vào hồi 08 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2018, chị T vắng mặt không lý do; ngày 18 tháng 4 năm 2018, Tòa án triệu tập họp lệ chị T lần thứ hai để tham gia phiên tòa vào hồi 08 giờ ngày 09 tháng 5 năm 2018, chị T cũng vắng mặt không lý do. Do chị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của anh H và chị T là hôn nhân hợp pháp. Chung sống đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Theo Biên bản xác minh ngày 06 tháng 3 năm 2018 do Tòa án lập (bút lục số 42), tình trạng hôn nhân của anh H và chị T phù hợp với lời trình bày của anh H tại Tòa. Anh H và chị T là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay, anh H không muốn tiếp tục chung sống với chị T nên anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, quyết định cho anh H và chị T ly hôn.

Về nuôi con chung: anh H yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đào Khánh D và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu này của anh H là hoàn toàn phù hợp; căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, chị T có trách nhiệm giao cháu D cho anh H trực tiếp nuôi. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản, nợ chung: anh H không yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Phú H.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Đào Phú H và chị Lê Thị Kiều T.

- Về nuôi con chung:

Chị Lê Thị Kiều T có trách nhiệm giao con chung tên Đào Khánh D, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2009 cho anh Đào Phú H trực tiếp nuôi, anh Đào Phú H không yêu cầu chị Lê Thị Kiều T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Kiều T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản, nợ chung: anh Đào Phú H không yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: anh Đào Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh Đào Phú H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002763 ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Anh Đào Phú H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện B;
- UBND xã P, H. L, T. Long An;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên